

Số: 3784/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết
tại Trung tâm Hành chính công tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 24/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh tại Tờ trình số 414/TTr-TTHCC ngày 14/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục **1.429 thủ tục hành chính** thuộc thẩm quyền của các Sở, Ban, ngành thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, cụ thể:

- Sở Tư pháp: 111 thủ tục hành chính
- Sở Kế hoạch và Đầu tư: 127 thủ tục hành chính
- Sở Giao thông vận tải: 82 thủ tục hành chính
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: 87 thủ tục hành chính
- Sở Công Thương: 142 thủ tục hành chính
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 127 thủ tục hành chính
- Sở Khoa học và Công nghệ: 61 thủ tục hành chính
- Sở Thông tin và Truyền thông: 36 thủ tục hành chính
- Sở Ngoại vụ: 04 thủ tục hành chính

- Sở Giáo dục và Đào tạo: 77 thủ tục hành chính
- Sở Tài chính: 30 thủ tục hành chính
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 96 thủ tục hành chính
- Sở Y tế: 184 thủ tục hành chính
- Sở Tài nguyên và Môi trường: 98 thủ tục hành chính
- Sở Xây dựng: 34 thủ tục hành chính
- Sở Nội vụ: 72 thủ tục hành chính
- Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai: 61 thủ tục hành chính

(Chi tiết tại 17 phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cử cán bộ, công chức đến làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh nhằm đảm bảo giải quyết tốt hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và thực hiện niềm yết, công khai đầy đủ các nội dung thủ tục hành chính theo quy định.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên cập nhật, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; đồng thời, điều chỉnh, bổ sung danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định phê duyệt danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết tại Trung tâm Hành chính công tỉnh trước đây./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Vụ CCHC-Bộ Nội vụ;
- Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT Hồ Quang Bửu;
- CVP; PCVP Lê Ngọc Quảng;
- Lưu: VT, HCTC, KSTTHC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu



Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực luật sư
01	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
02	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
03	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
04	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh
05	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
06	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân
07	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
08	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
09	Hợp nhất công ty luật
10	Sáp nhập công ty luật
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật
12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
II	Lĩnh vực tư vấn pháp luật
15	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật
16	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật
17	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh
18	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật
19	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật
20	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật
III	Lĩnh vực công chứng
21	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng
22	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ Tổ chức hành nghề công chứng này sang Tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
23	Thay đổi nơi tập sự từ Tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc

	Trung ương này sang Tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
24	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang Tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
25	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng
26	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
27	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
28	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp Tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)
29	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự
30	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng
31	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên
32	Cấp lại Thẻ công chứng viên
33	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên
34	Thành lập Văn phòng công chứng
35	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
36	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng
37	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)
38	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng
39	Hợp nhất Văn phòng công chứng
40	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất
41	Sáp nhập Văn phòng công chứng
42	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập
43	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng
44	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng
45	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
46	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
47	Thành lập Hội công chứng viên
IV	Lĩnh vực giám định tư pháp
48	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp
49	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp
50	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp
51	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp
52	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp
53	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp

54	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp
55	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp
56	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp
57	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng
58	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất
V	Lĩnh vực đấu giá tài sản
59	Cấp Thẻ đấu giá viên
60	Cấp lại Thẻ đấu giá viên
61	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
62	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
63	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
64	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản
65	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến
66	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá
VI	Lĩnh vực trọng tài thương mại
67	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
68	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
69	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
70	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
71	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác
72	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
VII	Lĩnh vực quản tài viên
73	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
74	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
75	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý

	tài sản
76	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên
77	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
VIII	Lĩnh vực hòa giải thương mại
78	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
79	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
80	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
81	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài
82	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động
83	Thay đổi tên gọi trong giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại
84	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
85	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc
86	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại
IX	Lĩnh vực nuôi con nuôi
87	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
88	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
89	Xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi
X	Lĩnh vực quốc tịch
90	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam
91	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
92	Nhập quốc tịch Việt Nam
93	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

94	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
XI	Lĩnh vực lý lịch tư pháp
95	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam
96	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)
97	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)
XII	Lĩnh vực hộ tịch
98	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
XIII	Lĩnh vực thừa phát lại
99	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại
100	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại
101	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại
102	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại
103	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại
104	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại
105	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại
106	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại
107	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại
108	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
109	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
110	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại
111	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại



Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
01	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
02	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
03	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
04	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
05	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
06	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
07	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
08	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
09	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp

17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
54	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng

55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
56	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
57	Giải thể doanh nghiệp
58	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
59	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
60	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu	
61	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập
62	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý
63	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý
64	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên
65	Giải thể công ty TNHH một thành viên
Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội	
66	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
67	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
68	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
69	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ
70	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ
71	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội
72	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ
73	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội
	Nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu
II Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	
74	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
75	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
76	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
77	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
78	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia

79	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
80	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
81	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
82	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
83	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
84	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
85	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
86	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
87	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
88	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã
III	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	
89	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
90	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
91	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
92	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
93	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư
Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn	
94	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn
95	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp
IV	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam
Mục 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư	
96	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
97	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
98	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
99	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
100	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

101	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
102	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
103	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
104	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
105	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
106	Chuyển nhượng dự án đầu tư
107	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
108	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
109	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
110	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
111	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
112	Giãn tiến độ đầu tư
113	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
114	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
115	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
116	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
117	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
118	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
119	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
120	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
Mục 2. Cơ quan khác	
121	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
122	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
123	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
V. Lĩnh vực đấu thầu	

Mục 1. Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	
Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu	
124	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
125	Thẩm định và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu
126	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
127	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)



Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Lao động - Tiền lương
01	Đăng ký nội quy lao động
02	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp
03	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu
04	Xếp hạng công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)
05	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
06	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
07	Cấp lại Giấy phép lao động cho thuê lại lao động
08	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
09	Rút tiền ký quỹ cho doanh nghiệp cho thuê lại lao động
II	Lĩnh vực Việc làm
10	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
11	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
12	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
13	Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
14	Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
15	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép
16	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
17	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động
III	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước
18	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày
19	Đăng ký Hợp đồng cá nhân
20	Đề nghị tắt toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày

IV	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động
21	Khai báo với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
22	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa
23	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập). Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)
24	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập). Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)
25	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động
26	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp
27	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động
V	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp
28	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.
29	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.
30	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
31	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục

	ngành nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
32	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp; Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp
33	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
34	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
35	Miễn nhiệm Chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh, Sở, UBND cấp huyện
36	Cách chức Chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh, Sở, UBND cấp huyện
37	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực.
38	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
39	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
40	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp
41	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận
42	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận
43	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận
44	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn

	đầu tư nước ngoài
45	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp
46	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
VI	Lĩnh vực Người có công
47	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
48	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sỹ
49	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
50	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
51	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
52	Thủ tục giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
53	Thủ tục hồ sơ giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
54	Thủ tục hồ sơ giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng
55	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
56	Thủ tục lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình
57	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng
58	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động
59	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra

60	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác
61	Thủ tục giám định vết thương còn sót
62	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
63	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
64	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.
65	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
66	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
67	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
68	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
69	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ
70	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
71	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
72	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần
73	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công
74	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ
75	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
76	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
77	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-phu-chi-a
VII	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội
78	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật
79	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
80	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của

	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
81	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
82	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp
VIII	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội
83	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
84	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
85	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
86	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
87	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân



Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực đường bộ
01	Cấp lại Giấy phép lái xe
02	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
03	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
04	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
05	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
06	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
07	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
08	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
09	Cấp Giấy phép xe tập lái
10	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
11	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô
12	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
13	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo
14	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động
15	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động
16	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
17	Cấp Giấy chứng, nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
20	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
21	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
22	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
23	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác

	chuyển đến
24	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
25	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
26	Đăng ký khai thác tuyến
27	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng
28	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
29	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
30	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
31	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
32	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
33	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch
34	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
35	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
36	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt – Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
37	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
38	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác
39	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác
40	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia
41	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia –Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam
42	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
43	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia
44	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào – Campuchia

45	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải
46	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải
47	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải
48	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác
49	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý
50	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác
51	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ
52	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ
53	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
II	Lĩnh vực đường thủy nội địa
54	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa
55	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa
56	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
57	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
58	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
59	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
60	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
61	Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với công trình thi công trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
62	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

63	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn
64	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
65	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
66	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
67	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
68	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
69	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
70	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
71	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
72	Xoá Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
73	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
74	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
75	Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch
76	Cấp đổi biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực
77	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được
78	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
79	Công bố lại cảng thủy nội địa
III	Lĩnh vực Hàng hải
80	Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa
80	Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa
IV	Lĩnh vực Đăng kiểm
82	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo



Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực điện
01	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
02	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
03	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương
04	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương
05	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
06	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
07	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
08	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
09	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện
10	Cấp lại thẻ an toàn điện
11	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện
12	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ
13	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
II	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
14	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
15	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
16	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
17	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
18	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
19	Cấp lại Giấy phép sử dụng VLNCN
20	Thu hồi Giấy phép sử dụng VLNCN
III	Lĩnh vực hóa chất
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

23	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
25	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
26	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện Xtrong lĩnh vực công nghiệp
27	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm
IV	Lĩnh vực Khoa học công nghệ
28	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng
V	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước
29	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
30	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
31	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
32	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
33	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
34	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
35	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
37	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
38	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
39	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
40	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
41	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
43	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
44	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
45	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
46	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
47	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
48	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
49	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
50	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
51	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
VI	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại
53	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

54	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
55	Thông báo hoạt động khuyến mại
56	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
57	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
58	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
VII	Lĩnh vực kinh doanh khí
	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
60	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
61	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
62	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
63	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
64	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
65	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
66	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
67	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
68	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
69	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
70	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
	Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)
71	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
72	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
73	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
74	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
75	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
76	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
	Khí thiên nhiên nén (CNG)
77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
78	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
79	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG
81	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
82	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
VIII	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh
83	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
84	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
85	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
86	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo
87	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung
IX	Lĩnh vực Dịch vụ thương mại
88	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
89	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại

X	Lĩnh vực nhượng quyền thương mại
90	Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại trong nước
XI	Lĩnh vực An toàn thực phẩm
91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện
92	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện
93	Thủ tục Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương
XII	Lĩnh vực xuất nhập khẩu
94	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới
95	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới
XIII	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương
96	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh
XIV	Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ
97	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa
XV	Lĩnh vực thi đua khen thưởng
98	Thủ tục Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân, Thợ giỏi, Người có công đưa nghề về địa phương
99	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ
XVI	Lĩnh vực thương mại quốc tế
100	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
101	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
102	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
103	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
104	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
105	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa
106	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn
107	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí
108	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, I Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP
109	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
110	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

111	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
112	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
113	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
114	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
115	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại ; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²
116	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại
117	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
118	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
119	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
120	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động
XVII	Lĩnh vực thương mại biên giới
121	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào
XVIII	Lĩnh vực dầu khí
122	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích từ 210m ³ đến dưới 5.000m ³
123	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³
124	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³
125	Thẩm định dự án, Thẩm định thiết kế cơ sở công trình Dầu khí
126	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Dầu khí
127	Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công xây dựng các công trình Dầu khí.
XIX	Lĩnh vực năng lượng
128	Thủ tục xác nhận phù hợp Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh
129	Thẩm định dự án, Thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp
130	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp (trường hợp thiết kế 1 bước)
131	Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp.
XX	Lĩnh vực khai thác mỏ
132	Thẩm định dự án, Thẩm định thiết kế cơ sở công trình mỏ khoáng sản (Dự án Khai thác khoáng sản nhóm B và nhóm C).
133	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình mỏ khoáng sản (dự án khai thác quy mô nhỏ, không sử dụng VLNCN và khai thác tận thu).
134	Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công xây dựng các công trình khai thác khoáng sản

XXI	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện
135	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
136	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
137	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
138	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
139	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
140	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
141	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
142	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện



Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực văn hóa
01	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
02	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương
03	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập
04	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
05	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp
06	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
07	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích
08	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật
09	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
10	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
12	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
15	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:

	+ Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)
16	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)
17	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
18	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
19	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ
20	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
21	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
22	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam
23	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm
24	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
25	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
27	Thủ tục cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
28	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
29	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương
30	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang
31	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương
32	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa

	phương
33	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương
34	Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu
35	Thủ tục chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu
36	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh
37	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh
38	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
39	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
40	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
41	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
42	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”
43	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn
44	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo
45	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
46	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
47	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
48	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
49	Thủ tục Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương
50	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh.
51	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh
52	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí

	nhập khẩu
53	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên
54	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
56	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
57	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
58	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
59	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)
60	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
61	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
62	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
63	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
64	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
65	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
66	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ
II	Lĩnh vực thể dục thể thao
67	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
68	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
69	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận
70	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

71	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức
72	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức
73	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
74	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga
75	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Gofl
76	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Cầu lông
77	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Taekwondo
78	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Karate
79	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn
80	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Billards & Snooker
81	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng bàn
82	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Dù lượn và Điều bay
83	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Khiêu vũ thể thao
84	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thẩm mỹ
85	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Judo
86	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể Thể dục thể thao tổ chức hoạt động Thể dục thể hình và Fitness
87	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng

88	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ đạo thể thao giải trí
89	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quyền anh
90	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Võ cổ truyền, Vovinam
91	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Mô tô nước trên biển
92	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Bóng đá
93	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Quần vợt
94	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Patin
95	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lặn biển thể thao giải trí
96	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao
97	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném
98	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu
99	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao.
100	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ
101	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao
III	Lĩnh vực du lịch
102	Thủ tục công nhận điểm du lịch
103	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
104	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
105	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

106	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
107	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể
108	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản
109	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
110	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm
111	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế
112	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
113	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện
114	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy
115	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
116	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
117	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế
118	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
119	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
120	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch
121	Thủ tục Công nhận khu du lịch cấp tỉnh
122	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
123	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

124	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
125	Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
126	Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
127	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch)



Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng
01	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng
02	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng
03	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu
04	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận.
05	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.
06	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
07	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
08	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
09	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 02 nhập khẩu
10	Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
11	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
12	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện

	giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
13	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân
14	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia
15	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận
16	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định
17	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp
18	Thủ tục miễn giám kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
II	Lĩnh vực sở hữu trí tuệ
19	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
20	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp
21	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
22	Thủ tục thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
23	Thủ tục chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
24	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)
III	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân
25	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
26	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
27	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
28	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
29	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)
30	Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)

31	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)
IV	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ
32	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (cấp tỉnh)
33	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ
34	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
35	Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
36	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
37	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
38	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
39	Thủ tục cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
40	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
41	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)
42	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ
43	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ
44	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
45	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ
46	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

47	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
48	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
49	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)
50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)
51	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp
52	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp
53	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
54	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
55	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người
56	Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người
57	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước
58	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
59	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
60	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ
61	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác



Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử
01	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài từ vệ tinh
02	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
03	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
04	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
05	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
06	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
07	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính cả tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
08	Thông báo thay đổi trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng
09	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên.
10	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt
11	Thông báo thay đổi tên miền trang thông tin điện tử (trên internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.
12	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành

	viên góp vốn (hoặc cổ đông)có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên
II	Lĩnh vực bưu chính
13	Cấp Giấy phép bưu chính
14	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính
15	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn
16	Cấp lại Giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
17	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính
18	Cấp lại Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
III	Lĩnh vực xuất bản in và phát hành
19	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
20	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
21	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
22	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
23	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài
24	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
25	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm
26	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
27	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
28	Cấp giấy phép hoạt động in
29	Cấp lại giấy phép hoạt động in
30	Đăng ký hoạt động cơ sở in
31	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in
32	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
33	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
IV	Lĩnh vực báo chí
34	Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí.

35	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước)
36	Cho phép hợp báo (trong nước)



Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ NGOẠI VỤ

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam
01	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
02	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
03	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
04	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ



Phụ lục X

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp
1	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập
2	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức
3	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES
4	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
5	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)
6	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác
7	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)
8	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
9	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý
10	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên
11	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh
12	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
13	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu
14	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn
15	Công nhận nghề truyền thống
16	Công nhận làng nghề
17	Công nhận làng nghề truyền thống
18	Hỗ trợ dự án liên kết
19	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

20	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu
III	Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản
21	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò
22	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò
23	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
24	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
25	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)
26	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)
IV	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật
28	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật
29	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật
30	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc Bảo vệ thực vật
31	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật
32	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
33	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
34	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón
V	Lĩnh vực Trồng trọt
35	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng
36	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính
VI	Lĩnh vực Chăn nuôi
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng

39	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
VII	Lĩnh vực Thú y
41	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)
42	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)
43	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y
44	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
45	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (<i>trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký</i>)
46	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y
47	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
48	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)
49	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại
50	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
51	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)
53	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
54	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
55	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận
VIII	Lĩnh vực Thủy sản
56	Xóa đăng ký tàu cá
57	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai

	huyện trở lên)
58	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)
59	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)
60	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)
61	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)
62	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)
63	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng
64	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên
65	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá
66	Công bố mở cảng cá loại 2
67	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá
68	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)
69	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
70	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
71	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá
72	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản
73	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển
74	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực
IX	Lĩnh vực Thủy lợi
75	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
76	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

77	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý
78	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý
79	Cấp Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
80	Cấp Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
81	Cấp Giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
82	Cấp Giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
83	Cấp Giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh
84	Cấp Giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
85	Cấp Giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
86	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
87	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
88	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
89	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
90	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân

	dân tỉnh
91	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
92	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
93	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
94	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
95	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
X	Lĩnh vực quản lý xây dựng công trình
96	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu



Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ TÀI CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực quản lý giá
01	Quyết định giá thuộc thẩm quyền cấp tỉnh
II	Lĩnh vực quản lý công sản
02	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.
03	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất
04	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc sử lý tài sản công
05	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết
06	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.
07	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư
08	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
09	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
10	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.
11	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước.
12	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
13	Quyết định điều chuyển tài sản công.
14	Quyết định bán tài sản công
15	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ
16	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công
17	Quyết định thanh lý tài sản công

18	Quyết định tiêu hủy tài sản công
19	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại
20	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc
21	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án
22	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản (Áp dụng cho trường hợp xử lý tài sản của Sở Tài chính và tài sản do cơ quan có thẩm quyền giao; xử lý tài sản của Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh).
23	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công (Áp dụng cho trường hợp xử lý tài sản của Sở Tài chính và tài sản do cơ quan có thẩm quyền giao; xử lý tài sản của Sở, Ban, Ngành, hội, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh).
24	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước
25	Chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên
26	Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu
27	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp
28	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ
III	Lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp
29	Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc địa phương
30	Lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá



Phụ lục XII

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo
01	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục
02	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục
03	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại
04	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông
05	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)
06	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục
07	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
08	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
09	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên
10	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên
11	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú
12	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
13	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú
14	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)
15	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học
16	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục
17	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại
18	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học
19	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)
20	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục
21	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục
22	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở

	lại
23	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
24	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
25	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục
26	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm
27	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)
28	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
29	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
30	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
31	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục
32	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)
33	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông
34	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục
35	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
36	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
37	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
38	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại
39	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
40	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
41	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông
42	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục
43	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
44	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
45	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia
46	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
47	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia
48	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

49	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
50	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học
51	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
52	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số
53	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh
54	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người
55	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên
56	Phê duyệt liên kết giáo dục
57	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục
58	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết
59	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
60	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
61	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
62	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
63	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
64	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
65	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
66	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
67	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
68	Xét, cấp học bổng chính sách

II	Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh
69	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin
70	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)
71	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông
72	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia
73	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia
74	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học
III	Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ
75	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc
76	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ
77	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp



Phụ lục XIII

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ NỘI VỤ

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập
01	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
02	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
03	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
II	Lĩnh vực quản lý nhà nước quỹ xã hội, quỹ từ thiện
04	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ
05	Thủ tục quỹ tự giải thể
06	Thủ tục đổi tên quỹ cấp tỉnh
07	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ
08	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
09	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
10	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ
11	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ
12	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
III	Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội
13	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện cấp tỉnh
14	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường
15	Thủ tục hội tự giải thể
16	Thủ tục đổi tên hội
17	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
18	Thủ tục Phê duyệt Điều lệ hội
19	Thủ tục thành lập hội
20	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội
IV	Lĩnh vực chính quyền địa phương
21	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã
22	Thủ tục hành chính thành lập thôn mới, tổ dân phố mới
V	Lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên
23	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
24	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
25	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
VI	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ
26	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ
27	Thủ tục cấp, cấp lại, bổ sung lĩnh vực hành nghề của Chứng chỉ hành nghề lưu trữ

28	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc
VII	Lĩnh vực quản lý nhà nước về tôn giáo
29	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
30	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
31	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
32	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
33	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
34	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
35	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
36	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
37	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
38	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
39	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
40	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
41	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
42	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo
43	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
44	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
45	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
46	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
47	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
48	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh
49	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt

	động ở một tỉnh theo quy định của Hiến chương của tổ chức
50	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐCP
51	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
52	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
53	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
54	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
55	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
56	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
57	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
58	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
59	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
60	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
61	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
62	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
62	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
VIII	Lĩnh vực Thi đua, Khen thưởng
64	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại
65	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
66	Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
67	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc
68	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh,

	thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề
69	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề
70	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất
71	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình
72	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại



Phụ lục XIV

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT
TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực đầu tư
01	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
02	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
03	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
04	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý
05	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
06	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý
07	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
08	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
09	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
10	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
11	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh
12	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
13	Chuyển nhượng dự án đầu tư
14	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi loại mô hình tổ chức kinh tế.
15	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư
17	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

18	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
19	Giãn tiến độ đầu tư
20	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
21	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
22	Thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
23	Chấm dứt hoạt động Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
24	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
25	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
26	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
II	Lĩnh vực lao động
27	Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp
28	Gửi Thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp
29	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày
III	Lĩnh vực việc làm
30	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
31	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
32	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp Giấy phép lao động
33	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
IV	Lĩnh vực thương mại quốc tế
34	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
35	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
36	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
37	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
38	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
V	Lĩnh vực môi trường
39	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
40	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường

41	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.
42	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai dự án)
43	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
VI	Lĩnh vực đất đai
44	Giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao lại đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, DN có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.
45	Giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền SD đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao lại đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người VN định cư ở nước ngoài, DN có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.
VII	Lĩnh vực Quản lý công sản
46	Khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong khu kinh tế
47	Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống của người dân
48	Miễn, giảm tiền thuê đất trong khu kinh tế
VIII	Lĩnh vực quy hoạch
49	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết/ điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết
50	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết/ điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết
51	Thẩm định điều chỉnh, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch phân khu (trường hợp điều chỉnh quy hoạch không thay đổi cơ cấu quy hoạch).
52	Thẩm định điều chỉnh, phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch phân khu (trường hợp điều chỉnh quy hoạch không thay đổi cơ cấu quy hoạch).
IX	Lĩnh vực xây dựng
53	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP

54	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)
55	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)
56	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý , trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.
57	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I trở xuống , trừ công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng và công trình nhà ở riêng lẻ
58	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I trở xuống , trừ công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng và công trình nhà ở riêng lẻ.
59	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I trở xuống , trừ công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng và công trình nhà ở riêng lẻ
60	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I trở xuống , trừ công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng và công trình nhà ở riêng lẻ
61	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I trở xuống , trừ công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng và công trình nhà ở riêng lẻ.



Phụ lục XV

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT
TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ XÂY DỰNG**

ST T	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc
01	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
02	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
II	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng
03	Cấp lại nội dung chứng chỉ năng lực hạng II, III
04	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài
05	Cấp/nâng hạng/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
06	Cấp giấy phép xây dựng(giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
07	Cấp lại nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
08	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
09	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)
10	Cấp/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hạng II, III
11	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C
12	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C

13	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
14	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)
15	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)
16	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP); Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)
17	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng
18	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
19	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động
III	Lĩnh vực Bất động sản
20	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do UBND tỉnh, UBND cấp huyện quyết định việc đầu tư
21	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
22	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
IV	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật
23	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh
V	Lĩnh vực nhà ở
24	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
25	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
26	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước
27	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

28	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
29	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
30	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
31	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh
32	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh
33	Thủ tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài
34	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua



Phụ lục XVI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI
TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ Y TẾ**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng
01	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi
02	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi
03	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi
04	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
II	Lĩnh vực Dược phẩm
05	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho cơ sở bán buôn dược liệu
06	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho cơ sở bán buôn dược liệu
07	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho cơ sở bán lẻ dược liệu
08	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho cơ sở bán lẻ dược liệu
09	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ
10	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược
11	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ
12	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ

13	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
16	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
17	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động
18	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
20	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
21	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
22	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
23	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt
24	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh

25	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc
26	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước
27	Kiểm tra, công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược
28	Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược
29	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc
30	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc
31	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất;
32	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực;
33	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.
34	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất;
35	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực;
36	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT
37	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
38	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất
39	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực

40	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại
41	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại
42	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực không vì mục đích thương mại;
43	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc
44	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất
45	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực
46	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT
III	Lĩnh vực Mỹ phẩm
47	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm
48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng
49	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT
50	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo
51	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước
52	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
53	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
IV	Lĩnh vực Khám-Chữa bệnh
54	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc

	thẩm quyền của Sở Y tế
55	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
56	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
57	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
58	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
59	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
60	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập
61	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.
62	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.
63	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
64	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
65	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
66	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở y tế.
67	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã
68	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
69	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
70	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
71	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

72	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
73	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
74	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
75	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng
76	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo
77	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ
78	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ
79	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm
80	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng
81	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
82	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
83	Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên
84	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi
85	Cấp giấy khám sức khỏe cho người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự
86	Khám sức khỏe định kỳ
87	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
88	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
89	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trước ngày 01/01/2016
90	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016

91	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
92	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
93	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
94	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa
95	Cấp bổ sung lồng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã
96	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm
97	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
98	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
99	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
100	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
101	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
102	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
103	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập
104	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
105	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
106	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

107	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.
108	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
109	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
110	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp
111	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả
112	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà
113	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc
114	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh
115	Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã
116	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm
117	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh
118	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
119	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn
120	Cấp Giấy khám sức khỏe của người lái xe
121	Khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô
122	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế
123	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
124	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT

125	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
126	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
127	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
128	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I
129	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục số II
130	Khám sức khỏe định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam
131	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam
V	Lĩnh vực Y tế dự phòng
132	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện
133	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự
134	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất
135	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ
136	Cấp giấy chứng bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
137	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
138	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng
139	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng
140	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS
141	Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
142	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II

143	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng
144	Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng
145	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế
146	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm
147	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng
148	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải
149	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa
150	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt
151	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người
VI	Lĩnh vực Giám định Y khoa
152	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính
153	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.
154	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên.
155	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi.
156	Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

157	Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
158	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động.
159	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp.
160	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động.
161	Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất.
162	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai.
163	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần.
164	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động.
165	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát.
166	Khám giám định tổng hợp.
167	Giám định để hưởng trợ cấp mất sức lao động đối với người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) (B-BYT-165402-TT)
168	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện
169	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện
170	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện
171	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện
172	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện
173	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật
174	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật
175	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật

176	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác
177	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức)có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác
178	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.
179	Giám định để xác định dị tật, bệnh hiểm nghèo không mang tính duy truyền để xác định cặp vợ chồng sinh con thứ ba không vi phạm quy định sinh một hoặc hai con do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện
VII	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ
180	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
181	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
VIII	Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
182	Cấp Giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ
183	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh
184	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng

**Phụ lục XVII**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI
TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực tài nguyên nước
01	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
02	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
03	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
04	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm
05	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.
06	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm
07	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
08	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
09	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
10	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

11	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh
12	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
13	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
II	Lĩnh vực khí tượng thủy văn
14	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
15	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
16	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
III	Lĩnh vực đất đai
17	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp Nhà nước giao đất để quản lý
18	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
19	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
20	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
21	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
22	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
23	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
24	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
25	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
26	Chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất

27	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
28	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
29	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho QSD đất đã có Giấy chứng nhận
30	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
31	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
32	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
33	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
34	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
35	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
36	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
37	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất

38	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
39	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề
40	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
41	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
42	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
43	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01/7/2004
44	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
45	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
46	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo
47	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
48	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
49	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

50	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
51	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
52	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
53	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
54	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty nông, lâm nghiệp
55	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
56	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
57	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
58	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp Luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
59	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
60	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
IV	Lĩnh vực Môi trường
61	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
62	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
63	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh

64	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt
65	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
66	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm
67	Giao khu vực biển
68	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
69	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
70	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường
71	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản
72	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường
73	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
74	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản
75	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
76	Cấp Giấy phép trao đổi mua, bán, tặng, cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc danh mục loài được ưu tiên bảo vệ
77	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
V	Lĩnh vực khoáng sản
78	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản
79	Cấp phép khai thác khoáng sản
80	Cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

81	Cấp phép khai thác tận thu khoáng sản
82	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
83	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
84	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình
85	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản
86	Đóng cửa mỏ khoáng sản
87	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản
88	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
89	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
90	Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
91	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
92	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản
93	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
94	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản
VI	Lĩnh vực biển Hải đảo
95	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
96	Gia hạn quyết định giao khu vực biển
97	Thu hồi khu vực biển
98	Trả lại khu vực biển